

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày 13- 3- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hợp;

Bà Lăng Thị Diện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn Q, tên gọi khác: Không, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1984, tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi đang sinh sống: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lưu Hữu N và bà Đỗ Thị N; vợ: Hoàng Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Đã bị xử lý vi phạm hành chính cụ thể ngày 11/02/2015 vận chuyển 03 kg pháo bị Công an huyện B xử phạt hành chính, phạt tiền 7.500.000 đồng, đã nộp phạt ngày 22/9/2015. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 31/10/2018 đến nay. Có mặt.

2. Giáp Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1978, tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi đang sinh sống: Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 02/12; con ông Giáp Văn L (đã chết) và bà Trần Thị V (đã chết); vợ: Đào Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/10/2018 đến ngày 06/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn Q:* Bà Ngô Thị Thanh H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1978, địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 31/10/2018 Tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phối hợp với phòng PC02 Công an tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ tại khu vực đường nhánh bắc, khu 1, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Giáp Văn T có hành vi vận chuyển 04 hộp pháo loại 36 quả/giàn và 02 cuộn bánh pháo có tổng trọng lượng là 07 kg (đã trừ bì) và Nguyễn Văn S có hành vi vận chuyển 120 vật hình tròn đường kính 04cm/quả, dài 6,5cm, mỗi vật hình tròn gắn 01 vật hình trụ có dây dẫn màu xanh có tổng trọng lượng là 03 kg (đã trừ bì). Giáp Văn T khai nhận 07 kg pháo trên vừa mua với Lưu Văn Q với giá 1.400.000 đồng mục đích đem về đốt trong đám cưới con gái và Nguyễn Văn S khai nhận 03 kg pháo trên vừa mua với Lưu Văn Q với giá 1.320.000 đồng mục đích đem về đốt tết Nguyên đán.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn S và Giáp Văn T, Tổ công tác đến nơi Lưu Văn Q ở trọ, tại đây Lưu Văn Q đã tự giác giao nộp toàn bộ số pháo còn lại đang cất giấu bao gồm: 68 khối hình hộp kích thước 14,5cm x 14,5cm x 15cm, mỗi khối hình hộp chứa 36 vật hình trụ được liên kết với nhau loại 36 quả/hộp; 12 khối hình hộp loại kích thước 16,5cm x 16,5 cm x 14,5 cm, mỗi khối hình hộp có 49 vật hình trụ liên kết với nhau loại 49 quả/hộp; 12 cuộn bánh hình tròn đường kính 37 cm x cao 06cm và 13 cuộn bánh hình tròn đường kính 30 cm x cao 06 cm. Lưu Văn Q khai nhận số pháo này bị cáo mua với một người đàn ông khi giao dịch mua, bán chỉ giao dịch qua điện thoại (khi nhận pháo và trả tiền người đàn ông này không cho Lưu Văn Q gặp trực tiếp) mục đích về bán kiếm lời và đã bán cho Giáp Văn T và Nguyễn Văn S được 2.720.000 đồng.

Ngày 01/11/2018 căn cứ tài liệu đã điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Lưu Văn Q để điều tra về hành vi buôn bán hàng cấm theo quy định của pháp luật.

Vật chứng thu, tạm giữ của Giáp Văn T gồm: 04 hộp pháo loại 36 quả/giàn và 02 cuộn bánh pháo, 02 túi nilon màu đen, 01 bao tải dứa, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA - 1280, số tiền 173.000 đồng.

Vật chứng thu, tạm giữ của Nguyễn Văn S gồm: 120 vật hình tròn đường kính 04cm/quả, dài 6,5cm, mỗi vật hình tròn gắn 01 vật hình trụ có dây dẫn màu xanh, 01 túi nilon màu trắng, 02 nilon màu đen, 10 túi nilon màu xanh, 01 điện

thoại di động nhãn hiệu FPT-P4050 vỏ màu đen đã qua sử dụng, số tiền 280.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S.

Vật chứng thu, tạm giữ của Lưu Văn Q gồm: 68 hộp pháo, loại 36 quả/hộp; 12 hộp loại 49 quả/hộp; 25 cuộn bánh pháo; 08 hộp bìa cát tông, 04 bao tải dừa màu xanh; 06 túi nilon màu đen; 01 thùng hộp xốp màu vàng; 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Lưu Văn Q.

Tại Biên bản xác định trọng lượng tang vật ngày 31/10/2018 xác định tổng trọng lượng 04 hộp pháo loại 36 quả/giàn và 02 cuộn bánh pháo do Giáp Văn T mua là 07 kg; xác định tổng trọng lượng 120 vật hình tròn đường kính 04 cm/quả, dài 6,5 cm, mỗi vật hình tròn gắn 01 vật hình trụ có dây dẫn màu xanh do Nguyễn Văn S mua là 03 kg; xác định tổng trọng lượng 68 hộp pháo, loại 36 quả/hộp; 12 hộp loại 49 quả/hộp; 25 cuộn bánh pháo của Lưu Văn Q là 162 kg.

Tại các Bản kết luận giám định số 33/KL-PC09, số 34/KL-PC09 đều đề ngày 03/11/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Các vật gửi giám định đều có chứa thuốc pháo, khi đốt đều gây ra tiếng nổ.

Cơ quan điều tra đã thành lập Hội đồng xử lý tang vật vụ án đồng thời tiến hành tiêu hủy số pháo nổ còn lại sau giám định và các đồ vật đựng pháo thu giữ của Giáp Văn T, Nguyễn Văn S và Lưu Văn Q vào ngày 28/11/2018.

Đối với Nguyễn Văn S là người cùng Giáp Văn T đến nhà Lưu Văn Q mua pháo, quá trình điều tra cho thấy hành vi không đồng phạm, xét thấy số lượng pháo của Nguyễn Văn S mua là 03 kg, bản thân chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này trước đó, nên Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ xử lý hành chính đối với Nguyễn Văn S phạt tiền 7.500.000 đồng theo quyết định số 02/QĐ-XPVPHC ngày 06/12/2018 và Cơ quan điều tra đã trả lại đồ vật không liên quan đến vụ án cho Nguyễn Văn S gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT-P4050 vỏ màu đen đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S.

Đối với người đàn ông đã bán pháo cho Lưu Văn Q, khi giao dịch mua, bán chỉ giao dịch qua điện thoại. Khi nhận pháo và trả tiền người đàn ông này không cho Lưu Văn Q gặp trực tiếp; chiếc điện thoại Lưu Văn Q dùng liên lạc mua pháo đã bị mất trước khi Lưu Văn Q bị bắt, không thu giữ được, do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với Trương Văn T, khi Nguyễn Văn S và Giáp Văn T lên nhà trọ Lưu Văn Q mua pháo, Trương Văn T được Giáp Văn T rủ đi cùng để lấy xe mô tô về giúp, quá trình Giáp Văn T và Nguyễn Văn S mua pháo, Trương Văn T đứng ở ngoài sân, không tham gia Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng Trương Văn T đi làm thuê ở đâu không rõ, hiện không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục triệu tập Trương Văn T làm việc, nếu xác định được hành vi vi phạm sẽ xử lý sau theo quy định.

Đối với Trần Văn C, Bé Văn L, Ngô Quang P, Đào Văn T quá trình điều tra thấy những người này không liên quan, không biết hành vi vi phạm của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S, nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 18/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lưu Văn Q về Tội buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Giáp Văn T về Tội vận chuyển hàng cấm điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi và tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Văn Q phạm Tội buôn bán hàng cấm; tuyên bố bị cáo Giáp Văn T phạm Tội vận chuyển hàng cấm.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Văn Q từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù giam.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giáp Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười) hai tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số pháo nổ còn lại sau giám định và các đồ vật đựng pháo thu giữ của Giáp Văn T, Nguyễn Văn S và Lưu Văn Q vì Hội đồng xử lý tang vật vụ án trong giai đoạn điều tra đã tiêu hủy tang vật vào ngày 28/11/2018 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT-P4050 vỏ màu đen đã qua sử dụng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S mà Cơ quan điều tra đã lại cho Nguyễn Văn S ngày 06/12/2018.

Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và số tiền 173.000 đồng cho bị cáo Giáp Văn T, đây là tài sản tiền không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; trả lại số tiền 280.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S, đây là tiền không liên quan đến hành vi vi phạm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; trả lại cho bị cáo Lưu Văn Q 01 (một) giấy phép lái xe và 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Lưu Văn Q.

Đề nghị Hội đồng xét xử không truy thu số tiền 2.720.000 đồng mà bị cáo Lưu Văn Q bán 07 kg pháo cho bị cáo Giáp Văn T và 03 kg pháo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S vào sáng ngày 31/10/2018 vì sau khi bán pháo xong bị cáo đã mang số tiền này đi trả nợ hết.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn Q đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Đề nghị Hội đồng xét xử: Xét xử bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là 08 năm tù giam; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Lưu Văn Q có đơn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo. Lời nói sau cùng bị cáo Lưu Văn Q và bị cáo Giáp Văn T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với số vật chứng đã thu giữ được, phù hợp với các Bản kết luận giám định số 33/KL-PC09, số 34/KL-PC09 đều đề ngày 03/11/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lưu Văn Q về Tội buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Giáp Văn T về Tội vận chuyển hàng cấm điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này đã xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước có chức năng sản xuất, buôn bán, kinh doanh. Pháo nổ từ lâu đã bị cấm bởi sự nguy hiểm và lãng phí. Hàng năm cứ vào dịp cuối năm tình trạng sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, đốt pháo trái phép lại diễn ra phức tạp, có thể còn gây ra những hậu quả khó lường về sức khỏe, tính mạng, tài sản của nhân dân và gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự tại các địa phương. Để nhằm góp phần ngăn ngừa, răn đe, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm liên quan đến pháo nổ Đảng và Nhà nước ta đã áp dụng nhiều biện pháp, hình thức để tuyên truyền vận động nhân dân không tham gia sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, đốt pháo trái phép nhưng vì muốn bán kiếm lời (đối với bị cáo Lưu Văn Q) và thỏa mãn mục đích cá nhân (đối với bị cáo Giáp Văn T) nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo Lưu Văn Q là người bán pháo kiếm lời; bị cáo Giáp Văn T là người mua pháo về sử dụng.

[5] Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Lưu Văn Q đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển 03 kg pháo vào năm 2015; bị cáo Giáp Văn T chưa bị xử lý hình sự và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lưu Văn Q quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Giáp Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Hội đồng xét xử sau khi cân nhắc xem xét về hành vi phạm tội, nguyên nhân phạm tội, vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, cần phải cách ly bị cáo Lưu Văn Q ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, tuy nhiên cũng cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo để từ đó bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội; còn đối với bị cáo Giáp Văn T không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng là đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Tại các biên bản xác minh đều thể hiện các bị cáo không có tài sản gì, gia đình bị cáo Lưu Văn Q sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Đối với số pháo nổ còn lại sau giám định và các đồ vật đựng pháo thu giữ của Giáp Văn T, Nguyễn Văn S và Lưu Văn Q. Hội đồng xử lý tang vật vụ án trong giai đoạn điều tra đã tiêu hủy tang vật vào ngày 28/11/2018. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Cơ quan điều tra đã lại đồ vật không liên quan đến vụ án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S là 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT-P4050 vỏ màu đen đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và số tiền 173.000 đồng tạm giữ của bị cáo Giáp Văn T, đây là tài sản, tiền không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo trả lại cho bị cáo; đối với số tiền 280.000 đồng tạm giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S, đây là tiền không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn S, trả lại cho Nguyễn Văn S.

[14] Đối với 01 (một) giấy phép lái xe và 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Lưu Văn Q, tạm giữ của bị cáo Lưu Văn Q, đây là giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo trả lại cho bị cáo Lưu Văn Q.

[15] Đối với số tiền 2.720.000 đồng mà bị cáo Lưu Văn Q bán 07 kg pháo cho bị cáo Giáp Văn T và 03 kg pháo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Nguyễn Văn S vào sáng ngày 31/10/2018. Sau khi bán xong bị cáo đã mang số tiền này đi trả nợ hết, xác định đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc buôn bán pháo mà có. Theo quy định của pháp luật thì phải tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Nhưng xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử không truy thu số tiền trên.

[16] Bị cáo Lưu Văn Q có đơn xin miễn án phí và tại phiên tòa người bào chữa cũng có yêu cầu Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo với lý do bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu miễn án phí cho bị cáo vì theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định người bị kết án phải trả án phí, phải chịu án phí vì đây là trách nhiệm và nghĩa vụ bị cáo phải thực hiện.

[17] Về án phí: Bị cáo Lưu Văn Q và bị cáo Giáp Văn T bị kết án. Do đó, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

[18] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho các bị cáo và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn Q về mức hình phạt. Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[19] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. (áp dụng đối với bị cáo Lưu Văn Q).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. (áp dụng đối với bị cáo Giáp Văn T).

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Văn Q phạm Tội buôn bán hàng cấm; tuyên bố bị cáo Giáp Văn T phạm Tội vận chuyển hàng cấm.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Q 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 31/10/2018.

Xử phạt bị cáo Giáp Văn T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm 13/3/2019. Giao bị cáo

cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Xử trả lại cho bị cáo Giáp Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và số tiền 173.000 (một trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Xử trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S số tiền 280.000 (hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

Xử trả lại cho bị cáo Lưu Văn Q 01 (một) giấy phép lái xe và 01(một) thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Lưu Văn Q.

(Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, theo như nội dung biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/02/2019 và 02 Giấy gửi tiền vào tài khoản đều đề ngày 05/11/2018).

3. Về án phí: Bị cáo Lưu Văn Q và bị cáo Giáp Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (2b);
- Người BC (1b);
- VKSND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- VKSND huyện Văn Lãng (1b);
- CQĐTCA h. Văn Lãng, t. Lạng Sơn (1b);
- CQTHA HSCA h. Văn Lãng, t. Lạng Sơn (1b);
- Nhà TGCA h. Văn Lãng, t. Lạng Sơn (1b);
- TAND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Chi CTHA h. Văn Lãng, t. Lạng Sơn (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Thị Hà